

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-PT
Ngày: 09 - 4 - 2024
“V/v tranh chấp quyền nuôi
con và quyền giám hộ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Thành Trung

2. Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc “tranh chấp quyền nuôi con và quyền giám hộ”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐ-PT, ngày 22/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Phát Đ, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Phát T, sinh năm 1966, địa chỉ ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1968, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Đinh Thanh B, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người kháng cáo: Anh Lê Phát Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Phát Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Q là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới anh chị sống tại nhà cha mẹ ruột của anh ở ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên: Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23-5-2014 và Lê Hoàng T2, sinh ngày 17-10-2016. Năm 2018 mẹ vợ anh là bà Huỳnh Thị L cho vợ chồng anh khoảng 01 công đất vườn và 03 công đất ruộng ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (gần nhà bà L) nên anh chị về cất nhà ở trên đất được cho cùng các con. Ngày 22-07-2020, chị Q bị bệnh chết, anh và hai người con vẫn sinh sống, học tập tại xã T. Anh đi làm và bà L phụ đưa đón các cháu, được một thời gian thì bà L than vãn việc phụ nuôi cháu và phát sinh tranh chấp đất đai giữa anh với bà L. Do đó anh đem các cháu về gửi ông bà nội ở xã H và chuyển cho cháu Lê Thị Huyền T1 về học lớp 3 tại Trường tiểu học H1. Ngày 16-01-2023, bà L có đến nhà anh hỏi cho cháu Lê Thị Huyền T1 về với bà để đi học đạo 01 tuần, anh đã đồng ý cho bà L đón cháu. Đến ngày 23-01-2023, anh đến nhà bà L để đón cháu Lê Thị Huyền T1 về, nhưng bà L không cho anh rước, còn nhốt cháu T1 trong phòng riêng không cho anh gặp mặt. Sự việc xảy ra anh có báo với chính quyền địa phương nhưng không được can thiệp giải quyết.

Do đó anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị L giao cháu Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23-5-2014 là con ruột của anh và chị Nguyễn Thị Q cho anh nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Cháu Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23-5-2014 là con ruột của con gái bà là chị Nguyễn Thị Q với anh Lê Phát Đ. Lúc nhỏ tới khi 3 tuổi cháu sống với cha mẹ ở nhà ông bà nội nhưng khi vào lớp mầm cháu về bên bà học ở Trường M. Bà đưa đón và ngủ chung với cháu 01 năm, sau đó bà cho đất cho vợ chồng Đ cất nhà ở gần nhà bà. Từ đó đến khi chị Q chết cháu T1 đều sống ở T gần gũi bà, sau khi chị Q chết anh Đ đi làm cả ngày mới về, bà cũng là người chăm sóc 2 cháu. Đến khi phát sinh tranh chấp đất đai giữa bà và anh Đ thì anh Đ mới đem hai cháu về ở bên nội tại ấp K, xã H, huyện C học được 03 tháng, tới gần Tết bà xin cho cháu T1 về nhà bà 0 tuần học đạo, khi về nhà ở cùng bà, đến tuần anh Đ qua rước, cháu không chịu về, bà không bắt ép hay nhốt cháu. Khi bà rước cháu về T, bà vẫn gửi Trường tiểu học M cho cháu học hoàn thành chương trình học kỳ 2 của lớp 3 và hiện cháu đang học lớp 4, không có nghỉ học như anh Đ trình bày. Hiện tại anh Đ đã có vợ khác và người vợ đó cũng có 03 người con, anh Đ đi làm xa không trực tiếp chăm sóc cháu. Cháu T1 cũng đã viết ra nguyện vọng của cháu được sống chung với bà ngoại mong Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu, giao cháu cho bà trực tiếp chăm sóc và giám hộ.

Tại bản án số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Phát

Đ về việc yêu cầu giao cháu Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23-5-2014 cho anh Lê Phát Đ nuôi dưỡng.

Giao cho bà Huỳnh Thị L tiếp tục nuôi dưỡng và giám hộ cho cháu Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23-5-2014.

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền thăm nom con, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2023 anh Lê Phát Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 74/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 Toà án nhân dân huyện T theo hướng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phát Đ về việc yêu cầu giao cháu Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23/5/2014 cho anh nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại văn bản ngày 04/02/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 13-9-2023 của Tòa án đều thể hiện nguyện vọng cháu T1 muốn sống với bà Huỳnh Thị L. Cháu T1 là nữ, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu T1 đã hơn 9 tuổi, do đó bà L sẽ thấu hiểu tâm, sinh lý và sẽ chăm sóc tốt và phù hợp hơn so với anh Đ.

Bản thân anh Đ đi làm thuê hằng ngày; lại đang chăm sóc cháu Lê Hoàng T2 và đang sống chung với một người phụ nữ khác, người phụ nữ này cũng đang nuôi ba đứa con riêng. Nên bà L sẽ đủ điều kiện để lo cháu T1 hơn so với anh Đ.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định. Do vậy kháng cáo của anh Lê Phát Đ là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 74/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ án tranh chấp quyền nuôi con và giám hộ giữa các thành viên trong gia đình, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện T nên Tòa án nhân dân huyện T giải

quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cháu Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23-5-2014 là con ruột của chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Phát Đ. Năm 2020, chị Q chết, anh Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con, được quyền giám hộ cho con chưa thành niên là đúng quy định tại khoản 2 và 3 Điều 69 của Luật Hôn nhân và G về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con.

[3] Tuy nhiên cháu Lê Thị Huyền T1 đã sống gần gũi với bà L từ lúc cháu được khoảng 4 tuổi, có môi trường sống và học tập ổn định tại xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh từ năm 2018 đến năm 2022. Biên bản xác minh giáo viên trường Tiểu học M cũng cho thấy thời gian cháu T1 học tập ở Tân Hòa kết quả học tập rất tốt (bút lục 50-51); chính quyền địa phương xã T xác nhận: “bàThị L là người trực tiếp chăm sóc đưa đón các cháu đi học trong thời gian các cháu sống ở T và bà L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Thị Huyền T1 rất tốt” (bút lục số 48-49),.

[4] Nguyên vọng của cháu Lê Thị Huyền T1 thể hiện tại văn bản ngày 04/02/2023 (bút lục 35) cũng như tại biên bản lấy lời khai cháu T1 ngày 13-9-2023 có sự chứng kiến của bà Lê Hồng P, Chủ tịch Hội phụ nữ xã T thì cháu có nguyện vọng muốn sống với bà L. Hiện tại cháu T1 đã quen với điều kiện, môi trường sống và được bà L nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất, nếu giao cháu cho anh Đ nuôi dưỡng sẽ dẫn đến sự xáo trộn môi trường sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu.

[5] Đối với anh Lê Phát Đ dù có công việc và thu nhập ổn định nhưng anh cũng đang nuôi cháu Lê Trọng H, là em ruột của cháu T1 và cũng đang sống chung với người phụ nữ khác. Như vậy bên cạnh việc chăm lo cho con, anh còn bị chi phối phải lo cho cuộc sống riêng của anh nên sẽ không chăm sóc cháu T1 đảm bảo bằng bà L.

[6] Tòa án sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện, quyết định giao cháu T1 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Kháng cáo của anh Lê Phát Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Phát Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Phát Đ
2. Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Phát Đ về việc yêu cầu giao cháu Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23-5-2014 cho anh Lê Phát Đ nuôi dưỡng.
4. Giao cho bà Huỳnh Thị L tiếp tục nuôi dưỡng và giám hộ cho cháu Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 23-5-2014.
Anh Lê Phát Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lê Thị Huyền T1 mà không ai được cản trở. Anh Lê Phát Đ không được lạm dụng việc thăm nom cháu để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Huyền T1.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Phát Đ phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015037, ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; anh Đ đã nộp đủ án phí.
6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Phát Đ phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên thu tiền số 0017244, ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục hành án dân sự huyện T; anh Đ đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Ái Loan